

Số: 6253/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

SỐ CÔNG NGHỆ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
ĐẾN SỐ: 10208	Ngày: 07/11
Chuyển	
Lưu hồ sơ số	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2229/TTr-SNN ngày 03 tháng 10 năm 2017 và ý kiến phát biểu của các thành viên tham dự cuộc họp ngày 30 tháng 10 năm 2017 (Theo Giấy mời số 1047/GM-VP ngày 30/10/2017 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch & Đầu tư, Tài nguyên & Môi trường, Công Thương, Khoa học & Công nghệ, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

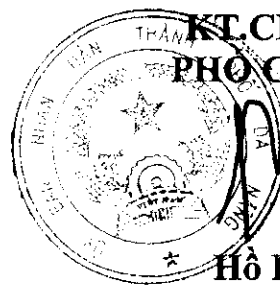
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Thành Ủy, TT. HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND TP & Quận;
- Đài TP & TH TP; Công TTĐT TP;
- PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, KT, Sở NN & PTNT.

107

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Kỳ Minh

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Nghị quyết số 104 /2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng, điều kiện chung, nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Nguồn kinh phí và phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Quy định kèm theo Nghị quyết số 104 /2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Quản lý, cấp phát kinh phí và thực hiện hỗ trợ

1. Thẩm quyền phân cấp hỗ trợ đối với nhà đầu tư

a) Đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố: Nhà đầu tư là tổ chức, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã (riêng nội dung hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Điều 9 của Quy định này).

b) Đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp quận, huyện: Nhà đầu tư là cá nhân (riêng nội dung hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Điều 9 của Quy định này).

2. Đối với nội dung hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án đối với khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do ngân sách đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Cấp phát kinh phí hỗ trợ

a) Đối với khoản đầu tư, hỗ trợ thông qua đơn vị ngân sách cấp thành phố: Cấp kinh phí cho các Sở, ngành thực hiện theo quyết định phân bổ vốn hàng năm.

b) Đối với khoản hỗ trợ trực tiếp cho nhà đầu tư là tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã): Cấp phát trực tiếp cho nhà đầu tư sau khi được UBND thành phố phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

c) Đối với khoản hỗ trợ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp quận, huyện: Căn cứ kinh phí UBND thành phố phân bổ hàng năm, UBND các quận, huyện thực hiện thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu và cấp phát kinh phí hỗ trợ cho nhà đầu tư.

Điều 4. Xây dựng, phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí

1. Định kỳ vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, UBND cấp quận, huyện xây dựng kế hoạch, tổng hợp nhu cầu kinh phí thuộc ngân sách hỗ trợ cấp quận, huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí trong dự toán hàng năm cho UBND quận, huyện.

2. Đối với nhà đầu tư là tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã), căn cứ dự án hỗ trợ kinh phí đã được UBND thành phố phê duyệt quyết định hỗ trợ đầu tư, trước ngày 30/6 hàng năm, nhà đầu tư lập dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư. Trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch & Đầu tư rà soát, tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn để tổng hợp nhu cầu chính sách chung của toàn thành phố.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách của toàn thành phố, rà soát, tổng hợp gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư đối với nhu cầu kinh phí từ nguồn chi đầu tư phát triển và gửi Sở Tài chính đối với nhu cầu kinh phí từ nguồn chi thường xuyên để báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện.

4. Căn cứ vào dự toán kinh phí thực hiện chính sách đã được HĐND thành phố thông qua, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư tham mưu UBND thành phố giao dự toán cho các Sở, ngành và UBND cấp quận, huyện để thực hiện.

5. Kinh phí hỗ trợ được quản lý, sử dụng và quyết toán vào ngân sách các cấp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phương thức và hồ sơ hỗ trợ đất đai

1. Phương thức thực hiện

a) Trình tự, thủ tục thẩm quyền thực hiện giao, cho thuê đất và miễn, giảm tiền sử dụng đất, miễn, giảm tiền thuê đất của Nhà nước, hỗ trợ kinh

phí thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Căn cứ vào quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp có thể thực hiện liên kết, tích tụ ruộng đất và nhu cầu của nhà đầu tư, UBND quận, huyện chủ trì hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện liên kết, tích tụ ruộng đất bằng hình thức thuê đất và góp vốn quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp để đầu tư dự án, phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

c) Sau khi phương án được UBND quận, huyện phê duyệt và thực hiện hoàn thành xong các thủ tục liên kết, nhà đầu tư đề xuất kinh phí hỗ trợ, ưu đãi về đất đai cùng với nội dung hỗ trợ dự án, phương án đầu tư. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ theo phân cấp quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này.

d) Kinh phí hỗ trợ cho chính quyền địa phương (UBND quận, huyện, xã, phường) để thực hiện tuyên truyền, vận động nhân dân, họp dân, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện liên kết, tích tụ đất đai được cấp trong dự toán hàng năm hoặc cấp bổ sung kinh phí cho UBND quận, huyện, xã phường.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đối với hỗ trợ liên kết bằng hình thức thuê đất của hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp

- Đơn đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư (theo mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

- Hợp đồng thuê đất của nhà đầu tư với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng quyền sử dụng đất hợp pháp để triển khai thực hiện dự án/phương án đầu tư (bản sao có chứng thực).

- Phương án liên kết, thuê đất được UBND quận, huyện phê duyệt.

- Biên bản kiểm tra, xác nhận diện tích thuê đất và diện tích thực hiện cải tạo đồng ruộng của UBND cấp xã, phường.

b) Đối với hỗ trợ liên kết bằng hình thức góp vốn quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp

- Đơn đề nghị hỗ trợ của nhà đầu tư (theo mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện liên kết, tích tụ đất đai;

- Hóa đơn, chứng từ liên quan đến chi phí phục vụ công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện liên kết, góp vốn quyền sử dụng đất.

- Phương án liên kết, góp vốn quyền sử dụng đất được UBND quận, huyện phê duyệt.

- Biên bản kiểm tra, xác nhận diện tích liên kết góp vốn quyền sử dụng đất và diện tích thực hiện cải tạo đồng ruộng của UBND xã, phường.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án đối với khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do ngân sách đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và bố trí vốn ngân sách đầu tư dự án được thực hiện ngay theo đề nghị của nhà đầu tư.

2. Đối với trường hợp nhà đầu tư tự thực hiện thì hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư sản xuất theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư sản xuất đối với nhà đầu tư là tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã)

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, các bộ hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của nhà đầu tư) gửi theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng. Thành phần hồ sơ như sau:

a) Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư, trong đó giải trình rõ lý do và cách tính các khoản đề nghị hỗ trợ đầu tư (theo mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

b) Hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có).

d) Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) kèm theo báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư (đối với trường hợp dự án đầu tư đã triển khai).

Trường hợp dự án chưa được triển khai thì phải có báo cáo giải trình kinh tế - kỹ thuật về: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, vốn đầu tư, trong đó giải trình rõ về các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư.

e) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ đầu tư.

2 Trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư

a) Sau khi nhà đầu tư nộp đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học & Công nghệ, UBND quận, huyện nơi thực hiện dự án và cơ quan chuyên ngành liên quan khác.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều này theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra nội dung, trả lời bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những ý kiến của đơn vị.

c) Nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ đầu tư:

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng theo Quy định này.
- Dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ theo Quy định này.
- Rà soát các khoản hỗ trợ mà nhà đầu tư đề nghị theo Quy định này.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến trả lời của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến và căn cứ khả năng cân đối ngân sách đối với đề nghị hỗ trợ đầu tư, lập báo cáo thẩm tra trình UBND thành phố quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án (*theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*). Trường hợp, có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình UBND thành phố quyết định hỗ trợ, trong trường hợp này tổng thời gian tối đa không quá 10 ngày làm việc.

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch & Đầu tư, UBND thành phố ban hành Quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án (*theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*). Trường hợp trừ chối một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của nhà đầu tư, Sở Kế hoạch & Đầu tư có văn bản thông báo và nêu lý do cho nhà đầu tư biết.

3. Lựa chọn hình thức thực hiện hỗ trợ: Nhà đầu tư được lựa chọn một trong hai hình thức hỗ trợ như sau:

a) Hình thức thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: Điều kiện là các nội dung hỗ trợ phải được Ủy ban nhân dân thành phố (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền) phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục, công trình hoặc phê duyệt thiết kế tổng dự toán của cả dự án trước khi triển khai.

b) Hình thức tự thực hiện: Doanh nghiệp tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định chung; tự phân chia hạng mục đầu tư, gói thầu; tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ (có thể thuê nhà thầu hoặc không thuê nhà thầu). Trường hợp này nhà đầu tư được thanh toán theo mức hỗ trợ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

4. Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án

a) Nhà đầu tư và nhà thầu (nếu có) tự nghiệm thu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung nghiệm thu.

b) Đối với những dự án đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ từ nguồn ngân sách của UBND thành phố, sau khi hoàn thành tự nghiệm thu, nhà đầu tư lập hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành liên quan, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án và người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án.

Trường hợp, hạng mục đầu tư, gói thầu phức tạp về kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mời thêm cơ quan chuyên ngành tham gia nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành.

5. Nghiệm thu dự án hoàn thành

a) Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Văn bản đề nghị của nhà đầu tư (bản chính).
- Quyết định hỗ trợ đầu tư của UBND thành phố.
- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán của UBND thành phố hoặc ủy quyền phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND thành phố ban hành quy định một số nội dung về mua sắm, quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- Hợp đồng mua bán (trừ trường hợp mua bán hàng hóa).
- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu là hàng hóa nhập khẩu).

b) Nhà đầu tư nộp 03 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều này (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) gửi theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì nghiệm thu).

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành liên quan, UBND quận, huyện nơi thực hiện dự án và người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư tiến hành nghiệm thu dự án hoàn thành.

d) Nội dung nghiệm thu: Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu; xác nhận khối lượng hoàn thành; kiểm tra việc thực hiện dự án theo các nội dung tại Quy định này.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, có chữ ký của các đại diện tham gia nghiệm thu; mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản, doanh nghiệp giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để thanh toán, giải ngân khoản hỗ trợ.

6. Thanh toán kinh phí hỗ trợ

a) Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ

- Công văn đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ của nhà đầu tư
- Quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của UBND thành phố (bản sao)
- Biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành theo quy định (bản chính)

b) Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo Quy định này gửi (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo dấu công văn đến), Sở Tài chính kiểm soát hồ sơ, chứng từ của từng khoản chi, đảm bảo các điều kiện thanh toán chi trả ngân sách theo quy định, thực hiện thẩm định hồ sơ, trình UBND thành phố có quyết định chi trả tiền hỗ trợ (hoặc ra lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước thành phố) để chi trả cho nhà đầu tư.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư sản xuất đối với nhà đầu tư là cá nhân (hộ gia đình, chủ trang trại)

1. Trình tự thủ tục đề nghị hỗ trợ

a) Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp, nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi về Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế quận). Hồ sơ đề nghị (03 bộ), gồm:

- Đơn xin hỗ trợ thực hiện đầu tư có xác nhận của UBND xã, phường (theo mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này);
- Báo cáo dự án hoặc phương án đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch (kèm hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục đầu tư xây dựng).
- Hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế quận) tổ chức lấy ý kiến của của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về chuyên môn và các cơ quan chuyên môn khác. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị lấy ý kiến, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn có văn bản trả lời gửi Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế quận).

c) Sau khi có văn bản trả lời của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế quận) tổ chức thẩm tra (theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này), và trình UBND quận, huyện xem xét, có quyết định hỗ trợ cho nhà đầu tư. (theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này). Trường hợp từ chối một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của nhà đầu tư, UBND quận, huyện có văn bản thông báo và nêu lý do cho nhà đầu tư biết.

d) Sau khi nhận quyết định hỗ trợ của UBND quận, huyện, nhà đầu tư lập hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục đầu tư xây dựng gửi Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế quận) để chủ trì phối hợp với các Phòng chuyên môn của UBND quận, huyện tổ chức thẩm định và trình UBND quận, huyện phê duyệt, thời gian từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi thẩm định, phê duyệt tối đa là 15 ngày làm việc.

2. Nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Sau khi có quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán, tổ chức cá nhân triển khai đầu tư và lập các thủ tục liên quan gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện thẩm định cấp kinh phí theo quy định.

b) Sau khi công trình hoàn thành, nhà đầu tư có văn bản đề nghị nghiệm thu gửi về Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế quận). Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế quận) tham mưu cho UBND quận, huyện chủ trì mời Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan để tổ chức nghiệm thu. Biên bản nghiệm thu (theo mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) là căn cứ để giải ngân hỗ trợ vốn cho tổ chức, cá nhân.

c) Sau khi có biên bản nghiệm thu, nhà đầu tư lập hồ sơ quyết toán gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện thẩm định, phê duyệt quyết toán công trình.

d) Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày được phê duyệt quyết toán, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện thực hiện cấp kinh phí còn lại cho nhà đầu tư. UBND quận, huyện là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cấp tạm ứng kinh phí và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện vay vốn: Thực hiện theo quy định của tổ chức tín dụng cho vay vốn.

2. Hồ sơ, trình tự thủ tục phê duyệt quyết định hỗ trợ lãi suất vay

a) Sau khi được tổ chức tín dụng chấp thuận cho vay thông qua hợp đồng tín dụng ký kết, nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay nộp tại UBND quận, huyện. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn (theo mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này); Hợp đồng tín dụng vay vốn; Dự án/phương án sử dụng vốn vay.

b) Trong vòng 10 ngày, kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ, UBND quận, huyện chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ và trình UBND

thành phố xem xét, phê duyệt danh sách nhà đầu tư được hỗ trợ lãi suất vay.

3. Thực hiện hỗ trợ lãi suất vay

a) Định kỳ vào đầu quý, UBND các quận, huyện có văn bản gửi các đơn vị cho vay vốn đề nghị báo cáo dư nợ vay của quý trước, bảng tính lãi suất cấp bù theo quy định để làm căn cứ cấp phần lãi suất hỗ trợ của ngân sách nhà nước (theo mẫu số 06 và mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

b) Trên cơ sở báo cáo của đơn vị cho vay vốn, UBND quận, huyện (Phòng Kế hoạch - Tài chính) thẩm định đề xuất hỗ trợ lãi suất của các tổ chức tín dụng cho vay vốn, lập giấy đề nghị cấp bù lãi suất vay vốn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình UBND thành phố phê duyệt số tiền hỗ trợ cho nhà đầu tư.

c) Căn cứ vào quyết định của UBND thành phố, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí ủy quyền cho Phòng Kế hoạch - Tài chính quận, huyện để thanh toán kinh phí cấp bù lãi suất cho các tổ chức tín dụng nơi nhà đầu tư vay vốn theo quy định.

d) Kết thúc năm ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện chịu trách nhiệm lập quyết toán kinh phí ủy quyền chi trả cấp bù lãi suất vay vốn gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 01 năm sau. Sở Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay vào quyết toán ngân sách thành phố hàng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư được UBND thành phố hỗ trợ theo quy định này, không được chuyển mục tiêu của dự án, trường hợp nhà đầu tư vi phạm, UBND thành phố thu hồi quyết định hỗ trợ đầu tư, nhà đầu tư phải hoàn trả mặt bằng sạch, trả lại toàn bộ kinh phí ưu đãi, hỗ trợ được hưởng theo quy định này.

b) Nhà đầu tư phải đăng ký tiến độ thực hiện dự án hàng năm và cả quá trình thực hiện dự án, chịu trách nhiệm triển khai dự án theo đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp dự án triển khai chậm tiến độ 01 năm theo cam kết mà không có lý do chính đáng thì nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả mặt bằng sạch và toàn bộ kinh phí ưu đãi, hỗ trợ được hưởng theo quy định này.

c) Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi của chính sách này chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ đề nghị ưu đãi, hỗ trợ, chịu trách nhiệm đảm bảo đúng, đầy đủ các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

d) Khi hoàn thành đầu tư dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư dự án theo quy định về giám sát và đánh giá đầu tư để gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ngành, các đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các quận, huyện tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các nội dung chính sách theo quy định tại Quyết định này;

b) Hàng năm, chủ trì phối hợp với UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp nhu cầu, dự toán kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn thành phố gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư trong việc tham mưu, bố trí dự toán kinh phí và phân bổ nguồn kinh phí cho UBND các quận, huyện để thực hiện chính sách.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, nghiệm thu hoàn thành dự án, phương án được hỗ trợ đầu tư. Phối hợp với UBND các quận, huyện trong việc thẩm định phê duyệt và nghiệm thu đối với nội dung hỗ trợ thuộc thẩm quyền của UBND quận, huyện.

d) Cử bộ phận thường trực để tham mưu thực hiện các nội dung chính sách theo nhiệm vụ phân công của Sở. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở báo cáo của UBND các quận, huyện và các ngành, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách trước ngày 30/11 gửi UBND thành phố.

e) Kịp thời theo dõi tình hình thực hiện chính sách, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách và tiếp nhận ý kiến đóng góp, đề xuất UBND thành phố xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Sở Tài chính hướng dẫn nhà đầu tư là tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã) thực hiện các nội dung hỗ trợ của chính sách. Chủ trì tham mưu thẩm định trình UBND thành phố quyết định hỗ trợ đầu tư đối với các dự án của nhà đầu tư là tổ chức được hưởng chính sách theo Quy định này.

b) Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư là tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã), chủ trì tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn nhu cầu kinh phí hỗ trợ đối với nhà đầu tư là tổ chức để tổng hợp nhu cầu kinh phí của toàn thành phố. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cân đối bố trí kinh phí hỗ trợ, đầu tư dự án (đối với nguồn chi đầu tư phát triển), báo cáo UBND thành phố trình UBND thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí để thực hiện.

c) Theo dõi tiến độ triển khai thực hiện hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã), thực hiện báo cáo định kỳ tình hình thực hiện hỗ trợ đối với nhà đầu tư là tổ chức về Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn trước ngày 30/9 hàng năm, đồng thời gửi Sở Tài chính để theo dõi.

3. Sở Tài chính

a) Hằng năm, cùng thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở dự toán theo nội dung, mức chi cụ thể đúng chế độ, định mức chi hiện hành của các Sở, ngành, địa phương, UBND các quận, huyện và căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ (đối với nguồn chi thường xuyên), báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí để thực hiện chính sách.

b) Tham mưu UBND thành phố phân bổ dự toán kinh phí cho UBND các quận, huyện và các Sở, ngành để thực hiện chính sách hỗ trợ. Hướng dẫn UBND các quận, huyện lập dự toán, bố trí kinh phí thực hiện chính sách vào dự toán ngân sách quận, huyện hàng năm.

c) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách trên địa bàn thành phố. Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị thanh quyết toán của nhà đầu tư là tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

4. Cục thuế thành phố Đà Nẵng

a) Hướng dẫn thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND thành phố tình hình miễn, giảm tiền sử dụng đất, miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thực hiện theo chính sách tại quyết định này.


5. Sở Xây dựng

a) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các quận, huyện tham mưu UBND thành phố phê duyệt danh mục vùng, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thực hiện chọn địa điểm, tổ chức lập sơ đồ ranh giới, tổ chức lập quy hoạch chi tiết cho các dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của chính sách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ liên quan đến việc hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ. Phối hợp tham gia nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ đầu tư.

b) Ưu tiên thực hiện cho vay từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố để cho vay vốn đối với các dự án, phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định này. 

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, hỗ trợ nhà đầu tư các thủ tục hành chính liên quan đến dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước của Sở. Định kỳ báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai về Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn trước ngày 30/10 hàng năm, đồng thời gửi kèm Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư để theo dõi.

b) Hướng dẫn UBND các quận, huyện triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết bằng hình thức cho thuê đất và góp vốn quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân theo Quy định này.

c) Chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường theo thẩm quyền hoặc tham mưu, thẩm định trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

8. Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư

a) Chủ trì phối hợp thực hiện xúc tiến thu hút nhà đầu tư đối với các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo phê duyệt của UBND thành phố.

b) Là cơ quan cầu nối hỗ trợ cho nhà đầu tư đối với các Sở, ngành, địa phương trong việc hiện các thủ tục hành chính, hướng dẫn ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của quyết định này và các thủ tục hành chính theo quy định.

9. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Đà Nẵng và các tổ chức tín dụng cho vay

a) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Đà Nẵng hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay theo quy định này (ngân hàng) thực hiện kê khai, hạch toán số tiền lãi suất vay được hỗ trợ theo đúng quy định. Chủ trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng cho vay theo quy định hiện hành.

b) Các ngân hàng cho vay vốn thực hiện thẩm định dự án, phương án và quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất tiền vay theo cơ chế tín dụng hiện hành và các quy định này. Thực hiện giải ngân vốn vay cho các chủ đầu tư vay vốn theo tiến độ thực hiện của phương án được duyệt hỗ trợ lãi vay. Thực hiện kê khai, báo cáo lãi suất vay theo quy định và kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay đúng mục đích, quy định.

c) Quỹ Đầu tư phát triển thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ và các tổ chức tài chính khác ưu tiên thực hiện cho vay vốn, bảo lãnh vốn vay đối với các dự án, phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định này. Quỹ đầu tư phát triển thành phố có nhiệm vụ thông báo mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Đà Nẵng, UBND các quận, huyện và các cơ quan đơn vị có liên quan khi có quyết định điều chỉnh lãi suất vay của UBND thành phố.

10. UBND các quận, huyện

a) Tuyên truyền, phổ biến đến chính sách trên địa bàn quận, huyện và thực hiện giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư có liên quan đến đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn;

b) Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ theo nhiệm vụ được phân công theo quy định này và phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, nắm tình hình và báo cáo kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn quận, huyện.

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của UBND quận, huyện và UBND các xã, phường hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện liên kết việc lập, phê duyệt quy hoạch, phương án, dự án hỗ trợ đầu tư theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện theo quy định.

d) Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu đề xuất, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và PTNT đồng thời gửi kèm Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND thành phố phê duyệt, phân bổ kinh phí để thực hiện.

e) Chủ trì phê duyệt hồ sơ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND quận, huyện.

f) Có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

g) Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện chính sách trên địa bàn quận, huyện gửi về Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn trước ngày 30/9 hàng năm, đồng thời gửi kèm Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư để theo dõi.

11. Các Sở, ban ngành khác liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung của chính sách theo quy định này. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này và các văn bản liên quan.

12. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng, các tổ chức chính trị xã hội: Thực hiện giám sát trong việc thực hiện chính sách theo quy định hiện hành, phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân, các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách tại Quyết định này.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định. /g

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Kỳ Minh

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày.... tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG
DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, NÔNG NGHIỆP SẠCH
(Thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Kính gửi:

Tổ chức, cá nhân:.....

Loại hình tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax.....

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng minh nhân dân số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....).

I. ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ ĐỂ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Tên mô hình:.....

2. Lĩnh vực đầu tư:.....

3. Địa điểm thực hiện mô hình:.....

4. Mục tiêu và quy mô:.....

5. Tổng vốn đầu tư của mô hình:.....

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....

7. Số lao động sử dụng bình quân trong năm:.....

8. Tiến độ thực hiện mô hình dự kiến:.....

9. Dự kiến doanh thu mô hình:

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú

2. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

.....

III. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam./.

Nơi nhận:

-
-

Hồ sơ kèm theo:.....

....., ngày.....tháng..... năm.....
Chức danh người đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của UBND xã, phường nơi thực hiện đầu tư ✓

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố/quận, huyện

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số ... ngày ... tháng..... năm..... của tổ chức, cá nhân (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án/phương án (Tên dự án) và hồ sơ kèm theo;

Sở/Ủy ban nhân dân quận/huyện báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với tổ chức, cá nhân đầu tư vào mô hình theo quy định tại chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

I. HỒ SƠ THẨM TRA

1. Giấy đề nghị số:
2. Báo cáo mô hình:
3. Biên bản kiểm tra thực tế (nếu có):
4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN


1. Tên mô hình:
2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Mục tiêu và quy mô mô hình (mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng...):
4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư mô hình (nếu có theo quy định của Luật đầu tư):
5. Cấp quyết định đầu tư mô hình (Tên tổ chức, cá nhân):
6. Địa điểm thực hiện mô hình:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư mô hình:
8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:
9. Thời gian thực hiện:
10. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng: 

- Mức hỗ trợ:
- Thời gian hỗ trợ:
- 2. Ý kiến khác:

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân.....
Thực hiện mô hình..... Kính trình UBND thành phố/quận, huyện xem
xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tham gia thẩm tra;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho dự án/phương án.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2005

Căn cứ Nghị quyết số 104 /2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của..... (tên nhà đầu tư):

Căn cứ...

Căn cứ Báo cáo thẩm tra của tại văn bản số, ngày.... tháng năm của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Tên tổ chức, cá nhân: (tên nhà đầu tư).....

Loại hình :.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại: Fax.....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số

Điều 1. Có dự án đầu tư:

- Tên Dự án/phương án:

- Lĩnh vực đầu tư:.....

- Địa điểm thực hiện:.....

- Mục tiêu và quy mô:.....

- Tổng số vốn đầu tư của Dự án/phương án:.....

- Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....

- Số lao động sử dụng bình quân trong năm:.....

- Tiến độ thực hiện dự kiến:.....

- Thời hạn hoạt động:.....

Điều 2. Các khoản hỗ trợ: (Chi ghi các hỗ trợ nhà đầu tư được hưởng)

TT	Nội dung	Số tiền hỗ trợ			Thời gian dự kiến hỗ trợ (năm)	Ghi chú
		NSTW	NSDP	Khác		
1						
2						
...						

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố/quận, huyện, Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố/quận, huyện; Kho bạc Nhà nước thành phố/quận, huyện, Nhà đầu tư, các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được cấp cho nhà đầu tư 02 bản chính, các cơ quan liên quan mỗi cơ quan giữ 01 bản./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tên tổ chức, cá nhân;
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

(Tên mô hình.....)

1. Mô hình:

2. Tên tổ chức/cá nhân:.....

2. Địa điểm thực hiện:.....

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Phía Hội đồng nghiệm thu (ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện).

b) Phía tổ chức, cá nhân:

- Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục mô hình:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu:..... ngày..... tháng..... năm

Kết thúc:..... ngày..... tháng..... năm

Tại:

5. Đánh giá dự án, hạng mục mô hình:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Văn bản cam kết hỗ trợ vốn.

- Báo cáo dự án/phương án đầu tư mô hình.


- Biên bản nghiệm thu nội bộ

b) Nghiệm thu khối lượng (đối chiếu định mức hỗ trợ):

Tên hạng mục	ĐVT	Tổ chức, cá nhân đề xuất	Nghiệm thu thực tế	Mức vốn hỗ trợ (tr.đ)


c) Nghiệm thu khối lượng thực tế: Quy mô..... chất lượng..... với số tiền được hỗ trợ

d) Các kiến nghị thêm của các thành viên (nếu có).

6. Kết luận của người chủ trì nghiệm thu: 

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành dự án, hạng mục dự án đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này; Biên bản này được lập thành..... (..... bản) có giá trị pháp lý như nhau, tổ chức, cá nhân giữ 2 bản, kho bạc nhà nước 01 bản, mỗi thành viên giữ 01 bản. 

KÝ TÊN CỦA CÁC THÀNH VIÊN

CHỦ TRÌ

(Chủ trì, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 201...

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI VAY

(Dự án/phương án,.....)

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân quận/huyện:.....
- Ủy ban nhân dân xã/phường:.....

Họ tên (cá nhân hoặc đại diện tổ chức):..... sinh năm.....

Tên tổ chức:.....

Nghề nghiệp /Chức vụ:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa chỉ đầu tư:.....

Số CMND số:.....do: CA..... cấp

Đối tượng: Hộ nghèo Tổ hợp tác Hợp tác xã

Doanh nghiệp (công ty) Khác (ghi rõ):.....

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết số 104/2017/QĐ-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà về ban hành quy định khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của HĐND thành phố Đà Nẵng.

Nay, tôi làm đơn này (kèm phương án sản xuất đã được tổ chức cho vay đồng ý cho vay vốn) kính trình Ủy ban nhân dân các cấp xem xét giải quyết cho tôi được hỗ trợ lãi vay khi vay vốn theo chính sách ưu đãi, hỗ trợ của thành phố.

Tôi cam kết sử dụng số tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn và lãi vay đúng thời hạn quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định.

Người vay vốn
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

NGÂN HÀNG
Số

Mẫu số 06 – Báo cáo số lượng khách hàng, dự án cho vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO

Số lượng khách hàng, dự án đã giải ngân thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo Quyết định /2017/QĐ-UBND ngày / /2017 của UBND TP
Tháng/201....

ST T	Tên khách hàng vay vốn dự án được hỗ trợ lãi suất	Địa điểm thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án số ... ngày .../.../201....	Tổng mức đầu tư của dự án (Triệu đồng)	Số Hợp đồng tín dụng	Ngày ký	Số tiền vay theo HĐTD (Triệu đồng)	Thời hạn vay vốn (tháng)	Thời hạn được hỗ trợ lãi suất (tháng)	Dư nợ thời điểm báo cáo (Triệu đồng)
A	PHÂN THEO NHÓM DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN									
1	Dự án									
									
									
B	PHÂN THEO ĐỐI TƯỢNG VAY VỐN									
I	Khách hàng tổ chức									
1	Công ty									
	Dự án									
									
2	Hợp tác xã ...									
	Dự án									
									
II	Khách hàng cá nhân, hộ gia đình									
1	Hộ gia đình ông									
	Dự án									
									
2	Bà									
	Dự án									
									

....., ngày tháng năm 201....

Lập biểu

NGÂN HÀNG

Kiểm soát

Giám đốc

NGÂN HÀNG
Số

Mẫu số 07 – Báo cáo tổng hợp nhu cầu hỗ trợ lãi suất
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
Tổng hợp kinh phí đề nghị ngân sách hỗ trợ để thực hiện Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày / /2017 của UBND thành phố
Quý..../201... và dự kiến kinh phí quý /201...

STT	Tên khách hàng vay vốn/dự án được hỗ trợ lãi suất	Dự án/phương án được hỗ trợ lãi suất					Đơn vị tính: Triệu đồng		Ghi chú
		Địa điểm thực hiện	Thời điểm bắt đầu vay vốn (ngày/tháng/năm)	Thời hạn vay vốn theo HĐTD (tháng)	Thời hạn được hỗ trợ lãi suất (tháng)	Dư nợ thời điểm báo cáo	Số tiền lãi đề nghị NSNN hỗ trợ Quý .../201....(Quý hiện tại)	Số tiền lãi dự kiến đề nghị NSNN hỗ trợ Quý .../201... (Quý sau)	
A	PHÂN THEO NHÓM DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN								
I	Dự án sản xuất								
1	Dự án								
.....								
B	PHÂN THEO ĐỐI TƯỢNG VAY VỐN								
I	Khách hàng tổ chức								
1	Công ty ...								
	Dự án ...	Huyện ...							
.....								
2	Hợp tác xã ...								
	Dự án ...	Huyện ...							
.....								
II	Khách hàng cá nhân, hộ gia đình								
1	Hộ gia đình ông ...								
	Dự án ...	Huyện ...							
.....								
2	Hộ								
	Dự án ...	Huyện ...							
.....								

....., ngày tháng năm 201....

NGÂN HÀNG

Lập biểu

Kiểm soát

Giám đốc